

Bản án số: 24/2020/DS-ST.
Ngày: 19/5/2020.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Võ Thanh Bình

2. Bà: Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST - DS ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966; Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2020. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp KT, xã BG, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đồng bị đơn: - Anh **Trần Thương M**, sinh năm 1982 (có mặt)

- Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1987 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp KT, xã BG, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2019 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:*

Vào năm 2017 vợ chồng anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu...) tại cửa hàng vật tư nông nghiệp Thành Sơn do ông S làm chủ nhiều lần. Hình thức mua thiếu đến khi thu hoạch thì thanh toán, đến ngày 16/10/2017 hai bên kết nợ với nhau sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán, anh M và chị Th viết biên nhận nợ với số tiền nợ là 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận

là 1%/tháng, anh M và chị Th cam kết đến vụ đông xuân 2018 sẽ trả cho ông S 150.000.000 đồng và tiền lãi, số tiền còn lại sẽ trả đủ sau khi xong vụ hè thu năm 2018, tuy nhiên đến tháng 3/2018 thì anh M và chị Th chỉ trả được cho ông S số tiền là 50.000.000 đồng, số còn lại thì đến nay vẫn chưa thanh toán mặc dù quá hạn đã lâu và ông S đã đòi nợ nhiều lần.

Do đó ông S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh M và chị Th phải trả cho ông S số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/3/2018 đến 30/10/2019 với lãi suất 1,66% ($250.000.000đ \times 1.66\% \times 19 \text{ tháng}$), số tiền lãi là 78.850.000đ; Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 328.850.000đ

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất bà chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng cụ thể $250.000.000đ \times 1\% \times 19 \text{ tháng} = 47.500.000đ$, tổng cộng cả gốc và lãi bà H yêu cầu anh M và chị Th trả cho ông S là 297.500.000đ (hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), do số nợ đã lâu bà H yêu cầu anh M và chị Th trả nợ 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Vợ chồng anh M và chị Th thừa nhận trước đây có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông S làm chủ nhiều lần. Hình thức mua là mua thiếu, trả tiền hàng vào cuối vụ, do làm ruộng thất mùa nên không trả nợ đầy đủ được đúng hạn. Ngày 16/10/2017 anh M, chị Th có viết biên nhận nợ với cửa hàng vật tư nông nghiệp ông S số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng và cam kết trả nợ như lời bà H trình bày tuy nhiên sau khi chốt nợ thì vợ chồng anh M, chị Th có trả được số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại thì đến nay vẫn chưa thanh toán được.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh chị trả số tiền mua phân bón còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 297.500.000 đồng thì anh M và chị Th cũng đồng ý trả. Nhưng vì hiện tại hoàn cảnh gia đình rất khó khăn do làm ăn bị thất bại nên anh M, chị Th xin được trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng, còn phần lãi thì xin phía ông S được miễn. Số nợ gốc anh chị xin trả dần (4 vụ) mỗi vụ lúa là 60.000.000 đồng đến khi hết nợ. Ngoài ra anh M, chị Th trình bày gì thêm.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 250.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền trên và đồng ý trả cho nguyên đơn.

Các tình tiết mà các bên chưa thống nhất: Đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần và phải chịu lãi từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/10/2019 là 19 tháng với

mức lãi suất là 1%, thành tiền là 47.500.000 đồng. Phía bị đơn xin được trả dần thành 4 vụ, mỗi vụ là 60.000.000 đồng, số tiền lãi bị đơn đồng ý nhưng xin được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Văn S yêu cầu anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 328.850.000 đồng, xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Vào khoảng năm 2017, bị đơn anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng vật tư nông nghiệp Thành S do ông S làm chủ nhiều lần. Hình thức mua là bán gỏi đầu và thanh toán vào cuối vụ. Đến ngày 08/6/2017 hai bên tổng kết nợ lại với nhau theo đó vợ chồng anh M, chị Th còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp là 588.325.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng nếu vợ chồng anh M chậm trả nợ. Phía anh M và chị Th hẹn 01 tháng sẽ trả nợ nhưng sau đó không trả nên ông S nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì phía anh M có trả được số tiền là 250.000.000 đồng, còn hơn 30 triệu thì phía ông S giảm cho anh M.

Sau khi trả được số nợ trên thì đến ngày 16/10/2017 tại công an xã BG, ông S và vợ chồng anh M lập lại biên nhận nợ với số tiền nợ là 300.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng. Vợ chồng anh M hẹn vụ Đông xuân sẽ trả 150.000.000 đồng, còn lại sẽ trả đến hết vụ hè thu năm 2018. Tuy nhiên đến tháng 3/2018 thì vợ chồng anh M chỉ trả được cho ông S số tiền là 50.000.000 đồng, số còn lại thì đến nay vẫn chưa thanh toán được nên các bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vật tư còn nợ là 297.500.000 đồng, trong đó gốc là 250.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/10/2019 là 19 tháng với mức lãi suất là 1%, thành tiền là 47.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận số nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi. Cụ thể bà H chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/10/2019 là 19 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 47.500.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi nguyên đơn rút là 31.080.000 đồng.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có sở để chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự quy định “ Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.

[5] Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng mỗi vụ là 60.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận; Hơn nữa khả năng trả nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án. Do đó không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận cho yêu cầu trả dần của bị đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh M và chị Th phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 14.875.000 đồng (297.500.000đ x 5%).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 430; 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn S. Buộc anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th phải trả cho ông Trần Văn S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 297.500.000 đồng. Trong đó gốc là 250.000.000 đồng và lãi là 47.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn S có đơn yêu cầu thi hành án phía anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền lãi là 31.080.000 đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Thương M và chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.875.000 đồng.

Ông Trần Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.220.000 đồng (Tám triệu , hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009096 ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc